

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2018

V/v ly hôn giữa
chị Th và anh Ch

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-TCDS ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thái Thị Th, sinh năm 1982. Địa chỉ: Xóm 6, xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm 6, xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Ch vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/02/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Thái Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Th và anh Trần văn Ch đăng ký kết hôn ngày 06/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh Ch ở xóm 6, xã Hải Lộc một thời gian thì vợ chồng đi làm ăn trên Hà Nội. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Ch chơi bời, cờ bạc, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị Th đã khuyên bảo nhưng anh Ch không thay đổi, sửa chữa. Chị Th và anh Ch sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Ch.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thái Duy, sinh ngày 12/5/2016 và cháu Trần Duy Khánh, sinh ngày 10/7/2017, hiện nay hai con đều đang ở với chị Th. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung thành niên.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và cho ai vay nợ nên không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2018, bị đơn anh Trần Văn Ch có lời khai phù hợp với lời khai của chị Thái Thị Th về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh là do sau khi sinh hai con, công việc, kinh tế của anh gặp khó khăn, anh không giành nhiều thời gian để cùng chị Th chăm sóc con chung nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn, anh Ch nhất trí ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Anh Ch xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị Th đã trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh Ch có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trần Thái Duy, để chị Thái Thị Th nuôi dưỡng cháu Trần Duy Khánh. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Duy và anh chấp nhận cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Khánh cho chị Th theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh Ch xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ly hôn giữa chị Th và anh Ch; giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Thái Duy, sinh ngày 12/05/2016 và cháu Trần Duy Khánh, sinh ngày 10/7/2017 cho chị Th tiếp tục nuôi đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1 tháng/1 cháu cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Về tài sản và công nợ, do chị Th, anh Ch không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; buộc chị Thái Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Trần Văn Ch phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ch được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Th, anh Ch là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Thị Th và anh Trần Văn Ch là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 06/01/2009. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình, quan điểm sống không hợp, anh Ch không chăm lo đến cuộc sống gia đình dẫn đến không thể thông cảm và chia sẻ được với nhau. Chị Th và anh Ch đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm, nghĩa vụ kể từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay chị Th đề nghị xin được ly hôn với anh Ch, anh Ch nhất trí.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Ch là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Th và anh Ch là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Thái Thị Th và anh Trần Văn Ch có 02 con chung là Trần Thái Duy, sinh ngày 12/5/2016 và Trần Duy Khánh, sinh ngày 10/7/2017, hiện hai con đang ở với chị Th. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung; anh Ch có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Duy, còn cháu Khánh để chị Th nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị Th, anh Ch thì thấy: Hiện nay, cháu Trần Thái Duy và cháu Trần Duy Khánh đều dưới ba tuổi và đang do chị Th nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th đã xuất trình hợp đồng lao động cũng như sao kê của ngân hàng có mức lương hàng tháng của chị, thể hiện chị có đủ điều kiện kinh tế, điều kiện nuôi dưỡng con chung; còn anh Ch không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của mình. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao hai con chung là cháu Trần Thái Duy và cháu Trần Duy Khánh cho chị Thái Thị Th nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả chị Thái Thị Th và anh Trần Văn Ch. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các con chung có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường. Hội đồng xét xử cần xem xét đến điều kiện thực tế để áp dụng mức cấp dưỡng cho phù hợp.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, tại bản tự khai, anh Trần Văn Ch có trình bày do công việc, kinh tế của anh gặp khó khăn nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Tại bản tự khai, chị Th cũng trình bày anh Ch có nợ nần với người khác. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương, anh Ch làm nghề tự do, địa phương không nắm rõ thu nhập của anh Ch cụ thể là bao nhiêu, tuy nhiên, mức thu nhập của một lao động tự do tại địa phương hiện nay trung bình từ 3.500.000đ đến 4.000.000đ một tháng. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy buộc anh Trần Văn Ch cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Th với mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng 750.000đ là phù hợp với điều kiện thực tế của anh Ch.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Th và anh Ch đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thái Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Trần Văn Ch phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Thái Thị Th và anh Trần Văn Ch.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thái Duy, sinh ngày 12/5/2016 và cháu Trần Duy Khánh, sinh ngày 10/7/2017 cho chị Thái Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng; anh Trần Văn Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Th mỗi cháu mỗi tháng 750.000đ (bảy trăm năm nghìn đồng) kể từ tháng 9 năm 2018 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Trần Văn Ch có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Thái Thị Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2015/0002480 ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Thái Thị Th đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Anh Trần Văn Ch phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Lộc;
- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Phạm Văn Thung

